

Rx Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

VacoB₆ 250

Để xa tầm tay trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến Bác sĩ.

Thành phần công thức thuốc: Mỗi viên chứa

Thành phần dược chất: Pyridoxin hydroclorid 250 mg

Thành phần tá dược: Polyvinyl pyrrolidon K30, magnesi stearat, croscarmellose natri, kollicoat protect, talc, titan dioxyd, hydroxypropyl methylcellulose 605, polyethylen glycol 6000, acesulfam kali.

Dạng bào chế: Viên nén bao phim.

Viên nén tròn, hai mặt trơn, bao phim màu trắng, cạnh và thành viên lành lặn.

Chỉ định

Điều trị tình trạng thiếu hụt vitamin B₆ ở người lớn.

Cách dùng, liều dùng

Uống với 1 ít nước, 1-4 viên/ngày.

Khi một lần quên không dùng thuốc: Tiếp tục dùng thuốc theo chỉ định của Thầy thuốc, không dùng bù liều đã quên.

Chống chỉ định

Quá mẫn với pyridoxin hoặc với bất cứ thành phần nào của thuốc.

Kết hợp với levodopa.

Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

Các biểu hiện thần kinh đặc biệt và có thể hồi phục sau khi ngừng điều trị đã được báo cáo sau khi dùng liều cao và/hoặc dùng vitamin B₆ kéo dài.

Thuốc này có chứa dưới 1mmol (23 mg) natri, 1 mmol (39 mg) kali trong mỗi viên, về cơ bản được xem như không chứa natri, kali.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

Phụ nữ có thai

Không có hoặc có hạn chế dữ liệu về việc sử dụng pyridoxin ở phụ nữ có thai. Các nghiên cứu trên động vật cho thấy có độc tính đối với sinh sản. Pyridoxin không được khuyến cáo trong ba tháng đầu của thai kỳ.

Vì vậy, để phòng ngừa, tốt nhất là không sử dụng thuốc này trong thời kỳ mang thai.

Các nghiên cứu trên động vật không chứng minh được tác dụng gây quái thai. Do không có tác dụng gây quái thai ở động vật nên dự kiến sẽ không có tác dụng gây dị tật ở người. Thật vậy, cho đến nay, các chất gây dị tật ở người đã được chứng minh là gây quái thai ở động vật trong các nghiên cứu được tiến hành tốt trên hai loài.

Về mặt lâm sàng, phân tích trên số lượng lớn phụ nữ mang thai dùng thuốc này dường như không cho thấy có tác dụng gây dị tật hoặc độc tính cụ thể nào đối với thai nhi. Tuy nhiên, chỉ có các nghiên cứu dịch tễ học mới có thể xác minh được rằng thuốc không có các nguy cơ như vậy.

Vì vậy, thuốc này có thể được kê đơn trong thời kỳ mang thai nếu cần thiết.

Phụ nữ cho con bú

Không có đầy đủ dữ liệu, tránh sử dụng trong thời kỳ cho con bú.

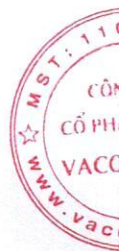
Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc

Pyridoxin không có hoặc ảnh hưởng không đáng kể đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

Tương kỵ, tương tác thuốc

Ức chế tác dụng của levodopa khi sử dụng mà không có chất ức chế dopadecarboxylase ngoại vi. Tránh dùng pyridoxin khi không có chất ức chế dopadecarboxylase.

Liều lớn của pyridoxin có thể làm giảm nồng độ phenytoin và phenobarbital trong huyết thanh ở một số bệnh nhân.



Nhu cầu pyridoxin đã được báo cáo là tăng lên khi uống thuốc tránh thai, hydralazin, isoniazid và penicillamin.

Tác dụng không mong muốn của thuốc (ADR)

Dùng pyridoxin kéo dài có thể gây bệnh về thần kinh ngoại biên và có thể hồi phục khi ngừng sử dụng.

*** Hướng dẫn xử trí ADR**

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Quá liều và cách xử trí

Triệu chứng: Các biểu hiện thần kinh như buồn ngủ và/hoặc dị cảm đã được báo cáo khi dùng liều cao và/hoặc kéo dài. Những biểu hiện này có thể hồi phục khi ngừng điều trị.

Cách xử trí: Ngừng dùng pyridoxin. Điều trị theo triệu chứng.

Đặc tính dược lực học

Loại thuốc: Vitamin nhóm B.

Mã ATC: A11HA02

Pyridoxin hydroclorid là Vitamin B₆.

Vitamin B₆ là vitamin nhóm B tan trong nước, tồn tại dưới 3 dạng: Pyridoxal, pyridoxin và pyridoxamin.

Pyridoxin, được chuyển thành pyridoxal phosphat, là một coenzym chuyển hóa và tham gia vào nhiều quá trình trao đổi chất. Nó rất cần thiết cho dinh dưỡng của con người.

Đặc tính dược động học

Pyridoxin được hấp thu ở ruột non và được phosphoryl hóa thành các dẫn xuất có hoạt tính: pyridoxin phosphat, sau đó thành pyridoxal phosphat. Nó được dự trữ chủ yếu ở gan, sau đó thải trừ qua nước tiểu chủ yếu dưới dạng chất chuyển hóa.

Pyridoxin đi qua nhau thai và đi vào sữa mẹ. Nó được bài tiết trong nước tiểu dưới dạng axit 4-pyridoxic.

Quy cách đóng gói

STT	Mô tả tóm tắt quy cách đóng gói
1	Ép vỉ, vỉ 10 viên, hộp 10 vỉ
2	Ép vỉ, vỉ 10 viên, hộp 100 vỉ
3	Đóng chai 100 viên

Điều kiện bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

(Sau khi mở nắp chai: Đậy kín nắp chai lại và bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C, sẽ không làm giảm hạn dùng của thuốc)

Tiêu chuẩn chất lượng: NSX

Tên, địa chỉ của cơ sở đăng ký và sản xuất

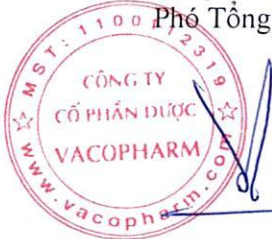


Công ty Cổ phần Dược VACOPHARM
Số 59 Nguyễn Huệ, Phường 1, Thành phố Tân An,
Tỉnh Long An
Điện thoại: 02723 826111-829311
Sản xuất tại: Km 1954, Quốc lộ 1A, Phường Tân Khánh,
Thành phố Tân An, Tỉnh Long An
www.vacopharm.com

Long An, ngày 05 tháng 12 năm 2024

KT. Tổng Giám đốc Công ty

Phó Tổng Giám đốc



KS. Phan Thị Minh Thu

